

Văn bia chữ Hán về người Hoa ở Hội An và vùng phụ cận

Đình Khắc Thuân

Viện Nghiên cứu Hán Nôm

Email: thuanhannom@gmail.com

Tóm tắt: Hội An là thương cảng cổ ở miền Trung Việt Nam, hình thành từ thế kỷ XVI, thịnh đạt nhất trong thế kỷ XVII-XVIII, nơi có nhiều thương thuyền người nước ngoài đến làm ăn, sinh sống, trong đó số đông là người Hoa. Họ để lại dấu ấn văn hóa, tín ngưỡng khá đậm nét. Đây là kết quả tất yếu của chính sách mở cửa của chúa Nguyễn và triều đình nhà Nguyễn, khi tạo điều kiện cho người Hoa buôn bán khắp nơi trên đất Việt Nam. Khoảng đời vua Gia Long, Minh Mệnh sang đến Tự Đức, cộng đồng người Hoa ở đây khá phát triển, góp phần tạo nên sự phồn thịnh của các đô thị vùng ven biển miền Trung thời bấy giờ. Đồng thời, họ cũng đóng góp tích cực trong việc trùng tu, tôn tạo di tích danh thắng mà ở đó còn lưu giữ khá nhiều tư liệu văn bia chữ Hán. Bài viết khái quát về đặc điểm, hình thức văn bia chữ Hán, cũng như thông tin tiêu biểu từ nội dung tư liệu liên quan đến cộng đồng người Hoa ở Hội An và vùng ven biển miền Trung Việt Nam.

Từ khóa: Người Hoa, Hội quán, văn bia chữ Hán, Hội An

Han Chinese epitaphs of Chinese people in Hoi An and adjacent areas

Abstract: Hoi An is an ancient trading port in the Central region of Vietnam, which was formed in the sixteenth century and regarded most prosperously in the seventeenth-eighteenth century with numerous interactions from foreign merchant ships, mostly Chinese people. As a result, a strong cultural and religious imprint has been left in the region. This is considered an inevitable consequence resulting from the Nguyễn Dynasty's open door policy, which facilitated Chinese people's trade all over Vietnam. Remarkably, under the reigns of Emperor Gia Long, Minh Mạng, and Tự Đức, Chinese community in the region grew quickly, contributing to the prosperity of the Central Coast urban areas. Besides, they actively participated in restoration of Hoi An's famous cultural and historical sites/relics, in which a number of Han Chinese epitaphs remained. The article summarizes characteristics and forms of Han Chinese epitaphs, as well as typical information related to Chinese community in Hoi An and in the Central Coast of Vietnam.

Keywords: Chinese people, guildhalls, Han Chinese epitaphs, Hoi An

Ngày nhận bài: 01/03/2021

Ngày duyệt đăng: 10/7/2021

1. Đặt vấn đề

Người Hoa mà chủ yếu là thương thuyền đến sinh sống và làm ăn ở khu vực ven biển miền Trung, Việt Nam từ khá sớm, nhưng chủ yếu từ sau phong trào phản Minh của người Thanh vào những năm cuối thế kỷ XVII. Với chính sách mở cửa và bảo hộ của các chúa Nguyễn và triều đình nhà Nguyễn, nên người Hoa làm ăn ở đây ngày càng phát đạt. Đồng thời họ cũng để lại dấu ấn văn hóa, tín ngưỡng khá đậm nét. Đó là các Hội quán, chùa miếu, từ đường, mộ địa mà ở đó hiện còn bảo lưu khá nhiều văn bia chữ Hán, trong đó tiêu biểu là khu phố cổ và

Hội quán người Hoa ở Hội An. Văn bia là nguồn sử liệu quan trọng và xác thực bởi nó có xuất xứ cụ thể, gắn với sự kiện, con người, cũng như những hoạt động cụ thể diễn ra qua mỗi giai đoạn lịch sử. Những văn bia này nếu được sưu tập, hệ thống lại sẽ là một trong nguồn tư liệu Hán Nôm quan trọng về người Hoa ở khu vực ven biển miền Trung và ở Việt Nam.

2. Khái quát văn bia chữ Hán về người Hoa ở Hội An và vùng phụ cận

Văn bia chữ Hán về Hội quán người Hoa ở Hội An, cũng như văn bia tại khu vực Quảng Nam - Đà Nẵng đã được một số công trình nghiên cứu giới thiệu, trong đó Nguyễn Hoàng Thân (2014) đã giới thiệu chung về văn bia chữ Hán ở Quảng Nam - Đà Nẵng, cũng như văn bia về Hội quán người Hoa ở Hội An. Nghiên cứu này chỉ tập trung vào những văn bia về người Hoa do người Hoa hoặc do người Việt soạn khắc trên địa bàn thành phố Hội An và khu vực ven biển miền Trung, Việt Nam.

Những văn bia này không chỉ ở các Hội quán, mà còn ở một số ngôi chùa, đền, miếu, từ đường dòng họ và công trình công cộng ở Hội An và vùng phụ cận, tức là văn bia về người Hoa ở khu phố cổ Hội An và một số địa phương thuộc tỉnh Quảng Ngãi và Thừa Thiên Huế. Qua khảo sát thực địa và sưu tập trong kho thác bản văn bia chữ Hán tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, chúng tôi xác định được khoảng hơn 40 văn bia chữ Hán về người Hoa ở Hội An và vùng phụ cận thể hiện qua bảng 1.

Trong số 43 văn bia này, có 28 văn bia ở 5 Hội quán tại Hội An, 3 bia ở Hội quán Quảng Ngãi, 3 bia ở Hội quán Thừa Thiên Huế, cùng 2 bia cầu, 2 bia chùa, 3 bia từ đường và 2 bia miếu Quan Thánh ở Hội An. Như vậy, văn bia ở các Hội quán người Hoa trực tiếp do người Hoa soạn, khắc chiếm tỉ lệ cao. Ngoài ra là một số văn bia ở các di tích khác liên quan đến người Hoa hoặc do người Hoa, hoặc do người Việt soạn, khắc.

Khác với văn bia chữ Hán ở các địa phương khác, văn bia chữ Hán ở Hội quán người Hoa tại Hội An và miền Trung vẫn xuất hiện sau năm 1945 đến những năm gần đây. Thực tế, chữ Hán ở Việt Nam được sử dụng trong suốt các triều đại phong kiến Việt Nam và chính thức kết thúc sau khi vua Bảo Đại, vị vua cuối cùng triều Nguyễn thoái vị năm 1945. Lệ dựng đá khắc văn bia chữ Hán ở các di tích công cộng và làng xã, trong đó có các Hội quán người Hoa, nhất là ở miền Bắc Việt Nam cũng chấm dứt từ đó. Tuy nhiên, lệ dựng đá khắc văn bia chữ Hán trong các di tích Hội quán người Hoa ở Hội An thì khác. Sau năm 1945 và nhất là sau năm 1954, Hội quán vẫn được cộng đồng người Hoa duy trì hoạt động và tu sửa. Mỗi lần trùng tu đều được dựng bia ghi lại. Những văn bia này cũng được viết bằng chữ Hán, nhưng là chữ Hán của người Hoa hải ngoại. Vì vậy văn bia chữ Hán ở đây được chúng tôi phân làm hai giai đoạn để khảo sát: Giai đoạn đầu từ năm 1945 trở về trước, giai đoạn sau từ sau năm 1945.

Bia cổ thuộc giai đoạn đầu (trước năm 1945) thường được khắc trên loại đá đen, nên mặt bia không thật nhẵn, có nhiều vết nứt; ngược lại bia ở giai đoạn sau thì phần lớn được làm bằng đá cẩm thạch, vật liệu đá được sử dụng phổ biến thời hiện đại, đá màu xanh, mặt nhẵn, bóng, nên chữ khắc khá nét và đẹp.

Hầu hết văn bia tại các di tích người Hoa ở Hội An và vùng phụ cận đều được gắn trên tường mà không có nhà bia riêng biệt. Có lẽ do các di tích này, nhất là Hội quán đều ở trong phố cổ, chật hẹp, nên tiết kiệm diện tích mà ốp bia lên tường. Vì thế, bia thường không có đế bia như các bia đá thường gặp ở các di tích làng xã người Việt.

Phần lớn bia người Hoa ở Hội An và vùng phụ cận đều không có trán bia. Một số bia có niên đại sớm thì được cắt vát hai góc trên bia để tạo thành trán bia như bia *Phước Kiến hội quán Càn Long Đình Sửu bi*/福建會館乾龍丁丑碑 (Bia 1), hoặc bia *Xương kiến Quảng Triệu hội*

quán bi thạch/倡建廣肇會館碑石 (Bia 10). Không giống hình trang trí trên trán bia và diềm bia thường gặp trên bia ở các di tích người Việt, bia Hội quán ở đây cũng không có diềm bia và hoa văn trang trí, mà thường tô thêm đường viền bằng hoa văn chữ triện tạo nên hình dạng như một cái khung cho bài văn bia, như các bia: *Bổn hội quán trùng tu giản chí*/本會館重修簡誌 (Bia 7), *Quyền Phủ hội quán bi kí*/瓊府會館碑記 (Bia 12)...

Tiêu đề văn bia Hội quán người Hoa Hội An ở một số văn bia cổ thì có nét tương đồng với tiêu đề văn bia Hán văn truyền thống. Đó là tiêu đề văn bia được khắc chữ to ở phía trên văn bản theo hàng ngang từ phải qua trái, như văn bia *Dương Thương hội quán công nghị điều lệ*/洋商會館公議條例 (Bia 22), hay văn bia *Trùng tu đầu môn phụ đầu bi kí*/重修頭門埠頭碑記 (Bia 23)... Ngược lại với cách thức trang trí tiêu đề văn bia ở giai đoạn đầu, phần lớn văn bia được khắc ở giai đoạn sau đều không được khắc theo hàng ngang trên trán bia mà khắc theo hàng dọc ở cột chữ đầu tiên từ bên phải với cỡ chữ lớn hơn như văn bia *Trùng tu Hội An Trung Hoa hội quán bi kí*/重修會安中華會館碑記 (Bia 25)...

Chữ khắc trên bia hoàn toàn là chữ Hán, chữ khắc theo lối chữ khai chân phương, rõ ràng. Trong những văn bia ở giai đoạn đầu, chữ viết được viết theo thông lệ văn bản Hán văn cổ truyền, trong đó có phần viết cách, viết dài, tôn xưng, khiêm xưng và kiêng húy. Những chữ kiêng húy thường gặp là chữ húy phổ biến của triều Nguyễn, Việt Nam như chữ Thời 時 được đổi viết sang Thìn 辰, chữ chủng 種, chữ hoa 華 viết bớt nét,... nhưng chỉ xuất hiện trên văn bia ở các di tích ngoài Hội quán người Hoa. Chữ Hán khắc trên bia ở giai đoạn sau cũng là chữ Hán phổ thông, văn phạm theo cách thức cổ văn tương tự văn bản chữ Hán trên bia ở giai đoạn trước. Tuy nhiên, văn bia đã xuất hiện một số từ ngữ hiện đại, kết cấu ngữ pháp của tiếng Hán hiện đại, như từ kê khai, toàn bộ: “Kê khai phương danh liệt thứ/計開芳名列次”, hoặc “Trùng tu Hội An Trung Hoa Hội quán chính điện, Đông tây lang ốc diện môn song, cập **toàn bộ** trùng tân du tất, tổng cộng nhất vạn tam thiên bát bách ngũ mỹ nguyên/重修會安中華會館正殿,東西廊屋面門窗及全部重新油漆.總共壹萬叁仟捌百五拾五美元” (Bia số 28, khắc năm 1995),...

Niên đại văn bia chữ Hán ở Hội quán Hội An sớm nhất là năm Vĩnh Hựu thứ 7 (1741) thời Lê, Việt Nam và năm Đinh Sửu (1757) niên hiệu Càn Long đời Thanh, Trung Quốc, văn bia muộn nhất là năm 1999.

Cách ghi niên đại ở giai đoạn đầu được ghi theo niên hiệu vua Việt Nam và Trung Quốc kết hợp với năm can chi. Cụ thể như năm Vĩnh Hựu thất niên tuế thứ Tân Dậu/永佑柒年歲次辛酉(1741), niên hiệu thời Lê và Tự Đức thập tam niên/嗣德十三年 (1860), Tự Đức tam thập tam niên/嗣德三十三年 (1880), Khải Định nguyên niên/啓定元年 (1916) niên hiệu thời Nguyễn, Việt Nam; Càn Long Đinh Sửu/乾龍丁丑年 (1757), Hàm Phong nhị niên/咸豐二年(1852, Hàm Phong ngũ niên/咸豐伍年(1855), Quang Tự thập tam niên/光緒十三年 (1887), Quang Tự thập bát niên/光緒十八年 (1893), Quang Tự tam thập nhị niên/光緒三十二年(1894) niên hiệu triều Thanh và Trung Hoa Dân Quốc Nhâm Dần niên/中華民國壬寅年 (1902), Trung Hoa Dân Quốc lục niên/中華民國六年 (1915), Trung Hoa Dân Quốc thập niên/中華民國十年(1921), Trung Hoa Dân Quốc thập lục niên/中華民國十六年 (1927), Trung Hoa Dân Quốc thập thất niên/中華民國十七年(1928), Trung Hoa Dân Quốc tam thập ngũ niên /中華民國三十五年 (1945), Trung Hoa Dân Quốc ngũ thập cửu niên 中華民國五十九年 (1970). Phần lớn bia khác có niên đại thuộc giai đoạn sau đều dùng số chữ Hán hay chữ số Ả-rập như Công nguyên nhất cửu thất linh niên/公元壹九七零年 (1970), hoặc 1974, Công nguyên 1992, 1995, Ất Hợi 1999, 1999....

Người Hoa đến Hội An chủ yếu từ sau phong trào phản Thanh phục Minh, nên phần lớn những người lánh nạn nhà Thanh sang Việt Nam đều không chấp nhận nhà Thanh. Chính vì thế mà văn bia sớm nhất khắc ở Hội quán Dương Thương vào năm 1741 lại ghi niên đại theo niên hiệu Vĩnh Hựu nhà Lê mà không ghi theo niên hiệu Càn Long nhà Thanh. Đến khi Tôn Trung Sơn lập ra Trung Hoa dân quốc vào năm 1912, họ hưởng ứng và ngưỡng vọng, nên những văn bia dựng khắc từ năm này trở đi đều tính theo quốc hiệu Trung Hoa Dân Quốc, kể cả sau khi Quốc hiệu này kết thúc.

Các văn bia trên đều gắn với các Hội quán người Hoa ở Hội An và ở Quảng Ngãi, do cộng đồng người Hoa tại địa phương và các nơi khác tạo dựng. Ngoài những văn bia ở các Hội quán này, còn có không ít văn bia chữ Hán khác cũng do người Hoa dựng khắc liên quan đến cộng đồng người Hoa ở Hội An, như văn bia ở miếu Quan Thánh, chùa Ông, chùa Cầu, từ đường, mộ địa người Hoa, cũng như những minh văn khắc trên chuông đồng, đại tự khắc trên biển gỗ trong các Hội quán này,... Đây là kho tàng tư liệu xác thực, phong phú phản ánh sinh động hoạt động của người Hoa tại Hội An và khu vực miền Trung Việt Nam qua từng giai đoạn lịch sử.

Bảng 1. Thống kê văn bia chữ Hán văn về người Hoa tại Hội An và vùng phụ cận

Hội quán	Tên bia	Nội dung	Niên đại	Kí hiệu thác bản
Phúc Kiến, Hội An (5 bia)	1. Phúc Kiến hội quán Càn Long Đinh Sửu bi/福建會館乾龍丁丑碑	Khởi dựng Hội quán	Càn Long Đinh Sửu (1757)	
	2. Tiếp tu bái đình/接修拜亭	Sửa Hội quán	1900	
	3. Trùng tu Phúc Kiến hội quán/重修福建會館	Các Bang người Hoa trùng tu	1974	
	4. Bốn hội quán trùng tu cập tăng kiến tiến môn bi kí/本會館重修及增建前門碑記	Trùng tu Hội quán	1974	
	5. Thiên Hậu Thánh Mẫu sử lược giản giới/天厚聖母史略簡介	Lược sử Thiên hậu Thánh mẫu		
Quảng Triệu, Hội An (5 bia)	6. Hội An Quảng Triệu hội quán trùng tu giản chí/會安廣肇會館重修簡誌	Trùng tu Hội quán	Dân Quốc 6 (1917)	56449
	7. Bốn hội quán trùng tu giản chí/本會館重修簡誌	Lược ghi việc trùng tu Hội quán	1971	56447
	8. Quảng Triệu hải nội ngoại trùng tu hội quán/廣肇海內外各界鄉親捐助重修會館	Trùng tu Hội quán	1992	56450
	9. Mỹ quốc Hội An đồng kiều tán trợ trùng tu Hội An Quảng Triệu hội quán Vạn Thiện đường kinh phí/美國會安同僑贊助重修會安廣肇會館萬善堂經費	Trùng tu Hội quán	1999	56451
	10. Xương kiến Quảng Triệu hội quán bi thạch/倡建廣肇會館碑石	Xây dựng Hội quán		56452

Quỳnh Phủ, Hội An (5 bia)	11. Tu tạo Bảo Long đình/修造寶龍廷	Sửa chữa Hội quán	Quang Tự 18 (1893)	56435
	12. Quỳnh Phủ hội quán bi ký/瓊府會館碑記	Xây dựng Hội quán	Dân Quốc, Nhâm Dần (1902)	56433
	13. Lữ Việt Hội An Quỳnh Phủ hội quán bi thạch/旅越會安瓊府會館碑記	Trùng tu Hội quán	1974	56434
	14. Nhất cử thất ngũ niên hậu lữ ngoại đồng hương quyên trợ tu tập hội quán thiện trường phương danh lục/一九七五年後旅外同鄉捐助修葺會館善長芳名錄	Trùng tu Hội quán	1975	
	15. Chiêu Ứng Công sự giản lược giới/昭應公事簡略界	Lịch sử 108 vị Chiêu Ứng công		
Triều Châu, Hội An (4 bia)	16. Phước Duyên thiện khánh/福緣善慶	Phục Ba tướng quân sự tích	Hàm Phong 2 (1852)	56455
	17. Triều Châu Hội quán trùng kiến bi kí/潮州會館重建碑記	Xây dựng Hội quán	Quang Tự 13 (1887)	56456
	18. Hội An Triều Châu hội quán trùng tu bi kí/會安潮州會館重修碑記	Trùng tu Hội quán	Dân quốc 59 (1970)	
	19. Hội An Triều Châu hội quán trùng tu lạc thành bi kí/會安潮州會館重修落成碑記	Trùng tu Hội quán	1995	
Hội quán Trung Hoa, Hội An (9 bia)	20. Thiên Hậu Thánh Mẫu sử lược giản giới/天厚聖母史略簡介	Sự tích Thiên Hậu Thánh Mẫu		
	21. Chính tân kiến Thiên hậu thánh mẫu long tòa giản chí/正新建天厚聖母龕座簡誌	Xây mới điện thờ		
	22. Dương Thương hội quán công nghị điều lệ/洋商會館公議條例	Điều lệ Hội quán Dương Thương	Vĩnh Hựu 7 (1741)	56462
	23. Trùng tu đầu môn phụ đầu bi kí/重修頭門埠頭碑記	Trùng tu Hội quán	Hàm Phong 5 (1855)	56463
	24. Trung Hoa dân quốc thập lục niên kính tuyên/中華民國十六年敬鑄	Di chúc của Tôn Trung Sơn	Dân Quốc 16 (1927)	56464
	25. Trùng tu Hội An Trung Hoa hội quán bi kí/重修會安中華會館碑記	Trùng tu Hội quán	Dân Quốc 17 (1928)	56465
	26. Thập liệt sĩ tuấn quốc kỷ niệm bi kí/十烈士殉國紀念碑記	Bi kỷ niệm 10 liệt sĩ	Dân Quốc 35 (1945)	
	27. Lữ Mỹ Hội An đồng kiều trùng tu Trung Hoa hội quán/旅美會安同侨重修中華會館	Trùng tu Hội quán	1995	
	28. Hội An Trung Hoa hội quán trùng tu giản chí/會安中華會館重修簡誌	Kê các lần tu sửa. Hội An Trung Hoa hội quán	Ất Hợi (1995)	

Hội quán tỉnh Quảng Ngãi (3 bia)	29. Việt Nam Quảng Ngãi tỉnh Quỳnh Châu Hội quán tự/ 越南廣義省瓊州會館序	Hội quán Quỳnh Châu, vốn phủ Tư Nghĩa	Quang Tự 32 (1907) (1945)	20432
	30. Trùng tân công từ bi/ 重新公祠碑	Hội quán Phúc Kiến, vốn phủ Tư Nghĩa	Quang Tự Giáp Ngọ (1894)	20433
	31. Triều thương công sở bi ký/ 潮商公所碑文	Hội quán Triều Châu, vốn phủ Tư Nghĩa	Tự Đức 32 (1879)	20434
Chùa Chúc Thánh, Hội An (2 bia)	32. Triều Âm phổ bi văn/ 潮音譜碑文	Hội Triều Âm thờ Quan Âm		19337
	33. Vô đề	Hòa thượng Minh Hải sang từ thời Minh	Quang Tự 18 (1893)	19339
Cầu Lai Viễn, Hội An (2 bia)	34. Trùng tu Lai Viễn kiều ký/ 重修來遠橋記	Chức sắc xã Minh Hương tu sửa cầu	Quang Tự 32 (1894)	19323
	35. Tu tạo Lai Viễn kiều/ 修造來遠橋	Chức sắc xã Minh Hương tu sửa cầu	Dân Quốc, Nhâm Dần (1902)	
Từ đường, Hội An (3 bia)	36. Vô đề	Người Hoa giữ cước sắc làng xã	1974	19322
	37. Vô đề	Vị họ Trương sang lập ra thôn Nam Cường	Khải Định 1 (1916)	19314
	38. Tụ Tiên đường/ 萃先堂	Ghi các họ từ Trung Quốc sang		
Miếu Quan Thánh, Hội An (2bia)	39. Vô đề	Dân xã Minh Hương sửa miếu Quan Thánh	Hàm Phong 2 (1852)	19316
	40. Vô đề	Trùng tu miếu thờ Quan Công	Tự Đức 32 (1879)	19319
Hội quán Thừa Thiên-Huế (3 bia)	41. Sáng kiến Quảng Triệu Hội quán các thiêm để phương danh khai liệt 創建廣肇會館各簽題芳名開列	Ghi tên người xây dựng Hội quán	Quang Tự 24 (1898)	
	42. Bốn Hội quán trùng tu tiểu dẫn / 本會館重修小引	Ghi tên người trùng tu Hội quán	Dân Quốc 51 (1962)	
	43. Quan Đế miếu bi văn 關帝廟碑文	Ngũ bang trùng tu miếu	Tân Ty (1881)	19299

(Nguồn: Đinh Khắc Thuân tổng hợp, 2021)

3. Tư liệu văn bia người Hoa ở Hội An và vùng phụ cận

3.1. Về các công trình công cộng kiến trúc người Hoa

Trong thời gian làm ăn và sinh sống tại Hội An và khu vực miền Trung, người Hoa xây dựng nhiều công trình công cộng, tiêu biểu là Hội quán, đền, miếu, chùa, từ đường dòng họ.

Trong số các Hội quán người Hoa ở Hội An và phụ cận, tiêu biểu nhất là Hội quán Phước Kiến và Hội quán Trung Hoa ở Hội An.

Hội quán Phước Kiến do cộng đồng người Hoa tỉnh Phúc Kiến xây dựng sớm nhất vào những năm cuối thế kỷ XVII với tên gọi là chùa Kim Sơn, đến năm 1757 được xây mới và lấy tên là *Mân Thương hội quán* 閩商會館, đến năm 1900 mới đổi gọi là *Phước Kiến Hội quán* 福建會館. Vì thế trong khuôn viên Hội quán này ngày nay vẫn có ngôi chùa Kim Sơn. Điều đó được phản ánh khá cụ thể trong bài văn bia *Bổn hội quán trùng tu cập tăng kiến tiền môn bi kí* / 本會館重修及增建前門碑記 khắc năm 1974, có đoạn viết:

“Nhớ lại hội quán ta sáng lập vào khoảng năm Khang Hy, cách nay đã hơn hai trăm bảy mươi năm. Lúc đầu, chọn nơi đất thờ lớn dựng cỏ tranh làm miếu để phụng cúng Thiên Hậu Thánh Mẫu, lấy tên là chùa Kim Sơn. Trải qua hơn sáu mươi năm, nhân vì miếu tranh khó bảo trì, nên vào năm Càn Long, Đinh Sửu, công nguyên năm 1757, mọi người góp tiền của xây dựng miếu ngói, đặt tên lại là “Mân Thương hội quán”. Khi này quán xá ầm thấp nhỏ hẹp, nên vào năm Đạo Quang Ất Dậu, tức năm 1849, xây thêm Hậu điện phụng thờ Lục tách Vương Da công, cùng các tòa trước sau đều được xây dựng lại. Sau đó đến năm Quang Tự Ất Mùi, tức năm 1895, lại trùng tu lớn đến năm Quang Tự Canh Tý, tức năm 1900 thì hoàn thành toàn bộ. Do đó đặt tên là Phúc Kiến Hội quán duy trì đến nay” (Bia số 4)⁽¹⁾.

Lần xây dựng Hội quán vào năm Càn Long Đinh Sửu (1757) được ghi lại cụ thể qua văn bia có nội dung như sau:

“Ngẫm đến ánh sáng ngũ sắc rạng rỡ, hẳn không quên lòng từ bi hiện hóa thành thuyền từ đến phương nam cứu giúp chúng sinh yên lành. Trong lúc khốn khó thì có Nương Nương ở đây. Ai đắc tội nào, kẻ chịu tai ách gì, cầu khẩn đều được cứu giúp. Vào giờ Ngọ, theo xuống biển, ôm thân vàng, vượt sóng đến đất Cẩm An Chiêm Thành, xây dựng miếu thờ ở đây đã hơn 60 năm rồi. Nhân miếu lợp tranh lá, e rằng không được lâu bền, nên nay vào tháng 3 cho người hưng công ngói miếu thiêng, lưu danh cứu đời, ai cầu tài cầu lợi đều đến đây cả.

Đệ tử ơn nhờ ân trạch người họ Trần huyện Tấn Giang phủ Tuyên Châu tỉnh Phúc Kiến kính cẩn dựng bia. Ngày lành tháng 5 năm Càn Long Đinh Sửu (1757)” (Bia số 1)⁽²⁾.

Nội dung văn bia trên cho biết, Hội quán lần đầu được xây gạch lợp mái ngói vào năm 1757, nhưng trước đó khoảng trên 60 năm, tức khoảng năm 1690, Hội quán đã có, nhưng chỉ là vách đất, mái cỏ. Ngoài ra, ở đây hiện còn một quả chuông chùa cổ được đúc vào năm Khang Hy thứ 26 (1687). Đó là dấu tích ngôi chùa Kim Sơn trước khi được cộng đồng người Hoa Phúc Kiến dựng Hội quán Mân Thương hay Phúc Kiến. Sau đó, Hội quán tiếp tục được trùng tu, mở mang quy mô và lần trùng tu lớn gần đây nhất là từ năm 1971 đến năm 1974 như văn bia *Bổn hội quán trùng tu cập tăng kiến tiền môn bi kí* / 本會館重修及增建前門碑記 nêu trên đã ghi lại.

Hội quán Trung Hoa là nơi sinh hoạt chung của Hoa Kiều tại Hội An, vốn ban đầu có tên gọi là Dương Thương hội quán, hay Chùa Ngũ Bang. Kể từ sau Cách mạng Tân Hợi (1911), Hội quán này được gọi là Hội quán Trung Hoa. Về nguồn gốc và quá trình xây dựng Hội quán này, bài văn bia *Trùng tu Hội An Trung Hoa hội quán bi kí* / 重修會安中華會館碑記 khắc năm Trung Hoa Dân Quốc thứ 17 (1927) mở đầu có đoạn viết:

“Hội quán Trung Hoa xưa là hội quán Dương Thương. Nay để bảng tên là Trung Hoa, ý bày tỏ không quên tổ tiên vậy! Theo khảo cứu, bến đò Hội An là dinh trấn quan trọng của Quảng Nam, trước thuộc đất Chiêm Thành, sau quy về nước Việt Nam, ngày càng phồn thịnh,

cuối cùng thành bến giao thương phía Nam. Hoa kiều đầu tiên thiên di là Giang Tô, Triết Giang và sau đó là Phúc Kiến, Quảng Đông. Thuyền buồm vãng lai đến trọ ở đất này. Vào lúc nhà Chu Minh thất thủ, nhiều người khảng khái theo cách hái rau Vi ở đất Thủ Dương, tiếp tục nổi gót mà đến nơi này, mọi người tụ hội, cùng nhau xây dựng hội quán phồn hoa, vì vậy đặt tên như vậy” (Bia 25)⁽³⁾.

Đặc biệt văn bia *Hội An Trung Hoa hội quán tu giản chí/會安中華會館重修簡誌* khắc năm 1995 cho biết Hội quán này trải qua 8 lần xây dựng, trùng tu lớn như sau: Lần thứ nhất (1855), trùng tu cổng ngõ, bến thuyền. Lần thứ 2 (1891), ghi lại các hoành phi. Lần thứ 3 (1928), đổi tên “Dương Thương hội quán” thành “Trung Hoa hội quán” và dựng trụ sắt hành lang đông tây. Lần thứ 4 (1958), sơn tô mới toàn bộ gian thờ Thiên Hậu và tu sửa cửa sổ, mái nhà, bờ tường... Lần thứ 5 (1970), sửa đổi bộ phận kèo cột gian thờ Thiên Hậu, gắn gạch hoa toàn bộ, sơn tô đỉnh nóc tường nhà, cửa sổ... Lần thứ 6 (1993), sửa lại khám thờ chánh điện Thiên Hậu và sửa nhà Đông, nhà Tây, kẻ hoa văn trên cửa và sơn tô toàn bộ. Lần thứ 7 (1994), xây dựng lại vườn sau, xây tường rào hội quán Trung Hoa. Lần thứ 8 (1995), hoàn thành toàn bộ bên trong bên ngoài của công trình.

Như vậy, ban đầu Hội quán này có tên là Dương Thương hội quán, tức là Hội quán của những thuyền buôn. Do đó, văn bia sớm nhất ở đây khắc vào thế kỷ XVIII là những quy ước hoạt động của các thương thuyền người Hoa khi đến Hội An, sau đó mới thành Hội quán chung cho các bang Hoa kiều ở Hội An, nên có tên Trung Hoa Hội quán.

Ngoài hai Hội quán này ra, các Hội quán khác như Hội quán Triều Châu được xây dựng muộn hơn vào năm 1845, Hội quán Quỳnh Phủ được xây dựng từ năm 1875 mà ban đầu mang tên là Nghĩa liệt huynh đệ miếu, Hội quán Quảng Triệu hay Hội quán Quảng Đông, chùa Quảng Triệu được xây dựng vào năm 1884. Hội quán Phúc Kiến ở Quảng Ngãi được xây dựng năm Tự Đức 32 (1879). Tại Thừa Thiên- Huế, có bốn Hội quán được dựng, đó là Hội quán Quỳnh Châu, Quảng Triệu, Triều Châu và Hội quán Phúc Kiến. Trừ Hội quán Phúc Kiến được xây dựng sớm vào thời Chúa Nguyễn, còn lại đều được xây dựng dưới triều nhà Nguyễn, tương đương các Hội quán cùng Bang như ở Hội An vào thế kỷ XIX. Ở Thừa Thiên-Huế không chỉ có Hội quán mà còn có miếu Quan Thánh, cung Thiên Hậu do người Hoa dựng, nhất là miếu Quan Thánh trở thành nơi tụ hội thương thuyền của cả Ngũ bang “Quan đế miếu là nơi đi đến, tụ tập hàng hóa của thuyền khách Ngũ bang”/觀聖廟者乃五邦客商百貨輻輳往來鳩集之所) (Quan đế miếu bi văn, kí hiệu 19299)

3.2. Về cộng đồng người Hoa ở Hội An và vùng phụ cận

Cộng đồng người Hoa ở Hội An và miền Trung Việt Nam khá hưng thịnh cùng với sự hưng thịnh của thị tứ Hội An vào thế kỷ XVII, XVIII. Cùng với các nhà buôn là các vị sư người Hoa đã đến vùng đất Hội An từ khá sớm. Văn bia *Vô đề* chùa Chúc Thánh, phường Tân An, thành phố Hội An, kí hiệu 19339, cho biết *Minh Hải hòa thượng tổ sư* người huyện Đồng An phủ Tuyên Châu tỉnh Phúc Kiến vào năm Giáp Tý niên hiệu Cảnh Thái (1444) đã đến đây lập chùa với tên gọi là chùa Chúc Thánh, như văn bia đã ghi “Truy nguồn trước ngày vào năm Giáp Tý (1444) niên hiệu Cảnh Thái, có Sư tổ là Hòa thượng hương Minh Hải huyện Đồng An phủ Tuyên Châu tỉnh Phúc Kiến đến xây dựng thành chùa, để lại 5 dòng, 7 phái mãi mãi lưu danh”⁽⁴⁾. Sau đó chùa này được xây dựng mới và trùng tu vào các năm 1845, 1849, trở thành nơi khai sinh ra chi phái Thiền Chúc Thánh của Thiền Lâm Tế.

Hầu hết trên các văn bia xây dựng, tu tạo di tích tôn giáo, tín ngưỡng ở Hội An đều ghi lại họ tên, quê quán, cũng như tổ chức người Hoa tham gia, qua đó thấy rõ cộng đồng người Hoa ở đây trong từng giai đoạn lịch sử. Trên văn bia sớm nhất hiện biết ở Hội An là *Phổ Đà Sơn*

Linh trung Phật 普陀山靈中佛, khắc năm Canh Thìn (1640) niên hiệu Dương Hòa thời Lê ghi lại được hai người Hoa là cúng tiền xây dựng chùa là Đại Minh quốc họ Lã và họ Lâm mỗi người cúng 50 quan tiền.

Người Hoa đến Hội An khai khẩn đất đai, lập ra làng xã. Văn bia mộ tổ họ Trương, kí hiệu 19314 khắc năm Khải Định nguyên niên (1916), cho biết họ Trương này từ Trung Quốc đến Hội An lập ra thôn Nam Cường, sau thành xã Lương Châu, sinh sống đến năm 1916 được 17 đời⁽⁵⁾.

Văn bia Cung Trưng Hán 澄漢宮, kí hiệu 20390, khắc năm Tự Đức thứ 13 (1860) cho biết người dân Triều Châu đến đây khai khẩn lập ra xã Triều Châu 潮州社. Điều đặc biệt là người thời Minh đến Hội An lập ra làng Minh Hương sau trở thành xã Minh Hương, đơn vị hành chính cơ sở của triều đình nhà Lê, Nguyễn, Việt Nam. Văn bia miếu Quan Thánh, kí hiệu 19316, khắc năm Long Phi Quý Dậu, ghi họ tên chức sắc xã Minh Hương dựng bia, gồm: Các chức sắc và hương lão và hương trưởng xã Minh Hương, chủ yếu là người Hoa, gồm; Tăng Long Bá, Trần Duy Đức, Kha Quốc Thụy, Quách Duy Hình, Quách Tự Minh, Từ Thiên Sán, Thiều Thiên Tích, Khang Đình Tuân,... Một văn bia trùng tu cầu Lai Viễn khắc năm Minh Mệnh Đinh Hợi (1827), cũng ghi lại các chức sắc hương lão, hương trưởng xã Minh Hương đứng ra sửa cầu.

Để tôn thờ bậc tiền hiền đến khai khẩn vùng đất này và để lại cơ nghiệp lớn lao cho con cháu, những người Hoa ở Hội An dựng ngôi đền chung, gọi là Tụy Tiên đường. Văn bia Tụy Tiên đường 萃先堂, khắc năm Duy Tân thứ 2 (1908), có nội dung như sau: “Đền thờ làng ta phụng thờ năm đại lão gia họ Ngụy, Trang, Ngô, Thiều, Hứa vốn là cự thần nhà Minh. Bởi vận nước nhà Minh đã đổi thay, tấm lòng trung không thể thờ hai vua, bèn giấu quan hàm, họ tên, tránh sang phía Nam, tập hợp lại gọi là người nhà Đường (người Hoa), lập nghiệp ở phương Nam thì lấy chữ Minh để bảo tồn quốc hiệu. Sáu châu tỉnh lúc đầu đều đến lập nghiệp ở Quảng Nam cả”⁽⁶⁾.

Người Hoa đến từ nhiều vùng miền khác nhau của Trung Quốc, nên họ lập ra các Bang riêng tập hợp những người cùng quê quán, như Bang Phúc Kiến, Bang Quảng Đông, Bang Triều Châu,... Mỗi Bang có một Bang trưởng, được nhiều văn bia ghi lại, như văn bia *Tu tạo Lai Viễn kiều*/修造來遠橋, khắc năm Khải Định thứ 2 (1917) cho biết thời điểm đó có 5 vị Bang trưởng là: Đức Ký hiệu Bang trưởng Bang Phúc Kiến, Nam Lai hiệu Bang trưởng Bang Quảng Đông, Hứa Hoàng Hợp Bang trưởng Bang Triều Châu, Thành Phúc Lợi Bang trưởng Bang Quỳnh Phủ và Chấn Long đường Bang trưởng Bang Gia Ứng⁽⁷⁾.

Ở Hội quán Trung Hoa có bài văn bia *Trùng tu đầu môn phụ đầu bi ký*/重修頭門埠頭碑記, khắc năm Hàm Phong 5 (1855) cho biết, Hội quán Dương Thương năm 1855 có 4 vị Bang trưởng thuộc 4 bang làm thường trực là Dương Nghĩa Hợp Bang trưởng Bang Gia Ứng, Thẩm Thuận Ký Bang trưởng Bang Phúc Kiến, Trần Đức Thắng Bang trưởng Bang Triều Châu và Lợi Hiệp Thắng Bang trưởng Bang Quảng Đông, cùng 115 thương nhân khác là các công ty và cửa hiệu đóng góp tiền tu sửa Hội quán⁽⁸⁾.

Văn bia người Hoa ở Thừa Thiên Huế cũng cho biết, nơi đây có 5 bang người Hoa. Đặc biệt, cộng đồng người Hoa ở Huế được các Bang người Hoa ở các địa phương khác, nhất là khu vực miền Trung liên kết hỗ trợ nhau trong làm ăn và xây dựng Hội quán. Văn bia “Sáng kiến Quảng Triệu Hội quán các thiêm để phượng danh” (Bia số 41) ở Hội quán Quảng Triệu, Huế cho biết năm 1898 tham gia xây dựng Hội quán này không chỉ có cộng đồng người Hoa ở Huế (Thuận Kinh), mà còn có khá nhiều người Hoa ở các địa phương khác như Hiến Cảng (Đà Nẵng), Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Khánh Hòa, Quảng Trị, Quảng Bình, Nghệ An, thanh hóa.

Điều nổi bật nữa là tư liệu văn bia ở Hội An và phụ cận cho biết việc buôn bán kinh doanh của người Hoa khá thành đạt và được tổ chức chặt chẽ. Vì thế, cộng đồng người Hoa ở Hội An từ rất sớm đã lập ra hội tương tế, giúp đỡ nhau làm ăn, sinh sống. Chẳng vậy mà Hội quán đầu tiên mang tên là Dương Thương Hội quán 洋商會館 (Hội quán cho các thương thuyền hải ngoại), sau mới đổi thành Hội quán Trung Hoa 中華會館. Hội quán này khi đầu như một trụ sở chung cho thương thuyền người Hoa khi đến Hội An. Do đó, cộng đồng người Hoa ở đây sớm có điều lệ chung để thực thi. Điều lệ đó được khắc trên văn bia sớm nhất ở Hội quán Hội An, là *Dương Thương hội quán công nghị điều lệ*/洋商會館公議條例 khắc năm Vĩnh Hựu thứ 7 (1741) niên hiệu vua Lê, Việt Nam qua đoạn dịch dưới đây.

"Các điều lệ cụ thể kê ra sau đây:

Điều 1: Việc cúng tiền vào miếu thờ, thì mỗi 2 lượng nạp 3 ly, Hội quán thiết lập sổ bạ, mỗi thuyền 1 bản giao cho công ty khai thu theo hóa đơn xuất hàng ngày. Sau đó, sổ bạ liền nộp cho người quản lý Hội quán. Nếu sổ bạ giữ lại không nộp, có ý dấu diếm tiền nộp, thì gửi lại cho thuyền trưởng thu nộp.

Điều 2: Trong Hội quán thiết lập một hòm lớn đựng quỹ, đương sự thu tiền ghi sổ bạ rồi để vào trong hòm. Đến trước lúc dùng đến tiền, người quản lý cùng mọi người mở lấy chi dùng, một người không được mở. Thuyền trưởng tập hợp kiểm tra mỗi năm một lần.

Điều 3: Thu bãi đỗ cửa bến không đủ thì trích thu từ thuyền nhỏ và thuyền không, số tiền là 5 quan.

Điều 4: Những khi mất nước, khó khăn cho khách trú ở Hội quán, thì mỗi tháng trợ cấp cho mỗi người 3 mạch tiền. Chờ đến tháng 3 khi gió lên thường có thuyền hàng, nếu ai quả không có người thân để cậy nhờ, thì tạm cho ở thêm, nhưng không cấp tiền trợ cấp. Đến hạn, thuyền hàng khởi hành, cấm chỉ không được trú lại lâu.

Điều 5: Định lệ khách nào không có người thân thích mà ốm đau tại Hội quán thì mỗi tháng cấp cho 3 mạch tiền cứu trợ. Bệnh khỏi, liền rời đi, không được ở lâu. Thấy cúng làm lễ, trước tiên hỏi bệnh nhân quê quán, họ tên, thuyền nào đỗ lại để tránh bị giả mạo. Nếu không may bị ốm chết, thì cấp cho 2 quan tiền để chi phí mai táng. Chôn cất ở nơi nào báo để người quản lý biết ghi vào sổ. Đợi người thân đến kiểm tra, không được để hỏn thác không có nơi nương cậy.

Điều 6: Bọn côn đồ không chịu làm ăn, cùng kẻ cờ bạc, nghiện hút, loạn tặc thì không cho ở trong Hội quán. Ai vi phạm giao người quản lý bẩm báo với quan trên trừng trị, trục xuất.

Điều thứ 7: Khách mới đến đây lấy vợ, vợ mang thai, tất phải đăng ký rõ người tình nào, làng xã nào, có đơn nộp cho chấp sự. Đến ngày sinh con, hoặc nam hoặc nữ thì cho người nhà bên vợ đưa đơn đến Hội quán trình báo rõ với người quản lý, ngày tháng nào sinh con và người vợ sinh quán, sinh sống ở đâu, khai báo rõ ràng ghi trong sổ bạ để tránh thất lạc về sau.

Điều thứ 8: Hội quán nếu có tiền thặng dư thì không cho vay sinh lợi mà tạm chuyển giữ để phòng chi dùng lúc sớm tối, khi mất nước, gió lớn, e rằng gặp sự cố đó đối phó không kịp.

Điều thứ 9: Hội quán khi bài trí đồ đạc, khí cụ cúng tế, tất phải đăng ký vào sổ. Nếu lâu ngày bị hư hại, thì người quản lý kiểm tra yêu cầu tu sửa, hoặc khi cho mượn dùng mà tổn hại thì người nào mượn phải sửa chữa hoặc bù vào, nếu bị thất lạc do thấy cúng thì đền gấp đôi. Người quản lý Hội quán luôn kiểm tra đồ thờ, thấy cúng kiểm tra kinh sách, không được lơ đãng.

Điều thứ 10: Người quản lý Hội quán không được dấu diếm, không được chối việc không làm, cũng không được thông đồng kéo níu vào làng Minh Hương, tất phải bị phán xét hoặc

phải chuyển đi nơi khác, hoặc phải hồi hương, chằm chước bàn bạc thay thế người mới phải thành thực, biện luận, không được tùy ý tiến cử, không để hoang phế nền móng mà tiền nhân đã gây dựng"⁽⁹⁾.

Điều lệ chung của Hội quán này bao gồm 10 điều, quy định liên quan đến việc lập quy hội quán, sổ tiền nộp, tiền thuyền đỗ bến, vấn đề khách trú tại hội quán, việc tử tuất, hôn nhân hộ tịch, an ninh trật tự, quản lý tiền quỹ hội quán, chức trách, nhiệm vụ của Lý sự hội quán. Tất cả những điều khoản này được cho giữ đạo công bằng, phân rõ thị phi, cắt đứt tranh tụng.

Một văn bia khác ở Hội quán Triều Dương ở Quảng Ngãi là *Triều Thương công sở bi ký*/潮商公所碑記 kí hiệu 20434, khắc năm Tự Đức 32 (1879) ghi lại điều lệ của các Công ty của hiệu buôn bán trong bang như sau:

"Điều 1: Thuyền mới đến vào đỗ trong bến, lệ thu tiền cho Hội quán là 200 quan. Điều 2: Thuyền mới đến dừng ở ngoài bến, theo lệ tu sửa quán trang nghiêm, thu tiền 100 quan. Điều 3: Công sở đặt việc chi tiêu công gồm 4 điều để tiện các thuyền buôn dùng để tránh tranh cãi. Điều 4: Các khách buôn, hộ buôn thuộc bang khi mua đường xuất ở cảng thì mỗi giác thu 12 văn"⁽¹⁰⁾.

Hội tương tế không chỉ giúp nhau làm ăn buôn bán, mà còn giúp đỡ nhau cả trong sinh hoạt, cuộc sống hàng ngày, cũng như việc tang ma, ốm đau, hoạn nạn. Điều đó góp phần hình thành phong tục tập quán cổ kết cộng đồng truyền thống của người Hoa ở hải ngoại.

Đặc biệt, Bang hội người Hoa có vai trò quan trọng trong việc duy trì hoạt động và duy tu các công trình kiến trúc Hội quán ở Hội An. Họ đã lập ra Hội trùng tu Hội quán ở Hội An, như trong các lần tu sửa Hội quán Trung Hoa vào năm 1928 và năm 1995. Các ủy viên Hội trùng tu này đã vận động tiền của để tu bổ Hội quán, như văn bia "Trùng tu Hội An Trung Hoa hội quán bi ký", khắc năm Dân Quốc thứ 17 tức năm 1928, cho biết, Hội trùng tu Hội quán Trung Hoa đã vận động được khoảng 150 công ty, cửa hiệu và cá nhân người Hoa đóng góp tiền được trên 6.000 đồng để tu sửa Hội quán Trung Hoa. Một văn bia khác cũng ở Hội quán Trung Hoa này có tiêu đề là "Hội An Trung Hoa Hội quán trùng tu giản chí", khắc năm 1995 ghi lại lần tu sửa Hội quán vào thời điểm này huy động được 13.850 Mỹ kim và 11 tỷ đồng tiền Việt từ thành viên các bang hội người Hoa, trong đó có Hội Hoa kiều tại Mỹ. Người Hoa luôn coi các Hội quán là di sản văn hóa của họ ở hải ngoại, nên dù ở đâu, họ luôn quan tâm đến việc duy trì hoạt động, cũng như duy tu các Hội quán này.

Hội quán người Hoa ở Hội An nằm trong khu di tích phố cổ Hội An được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới vào năm 1999. Sau lần vinh danh này, Hội An trở nên nổi tiếng và thu hút ngày một nhiều du khách quốc tế tham quan, du lịch. Tuy nhiên, việc quản lý và tổ chức hoạt động ở các Hội quán này có những thay đổi nhất định. Việc duy tu các công trình kiến trúc cổ ở Hội An, trong đó có các Hội quán người Hoa gặp không ít trở ngại, bởi nhu cầu lượng kinh phí lớn vượt quá sự đáp ứng của chính quyền và người dân địa phương. Vấn đề đặt ra ở đây là cần duy trì mối liên hệ chặt chẽ với các Bang hội người Hoa ở các địa phương trong nước và ở nước ngoài trong việc duy trì hoạt động và duy tu các di tích Hội quán này.

4. Kết luận

So với văn bia chữ Hán về người Hoa ở thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và Phố Hiến (Hưng Yên), văn bia ở ven biển miền Trung, nhất là Hội An chiếm số lượng khá lớn và khá phong phú về thông tin tư liệu. Bài viết chủ yếu điều tra tư liệu từ kho thác bản văn bia tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, bước đầu sưu tập được 43 văn bia, trong đó chủ yếu tập trung ở khu phố cổ và Hội quán người Hoa Hội An. Niên đại văn bia sớm nhất khắc vào năm Vĩnh Hựu

thứ 7 (1741) thời Lê, Việt Nam, số còn lại chủ yếu được khắc dựng vào thời Nguyễn đến năm 1945. Tuy nhiên, văn bia Hội quán người Hoa ở Hội An vẫn được khắc dựng sau năm 1945 đến những năm gần đây (1999). Văn bia chủ yếu viết được soạn bằng chữ Hán với đặc điểm văn bản, văn phong khác nhau gắn với hai giai đoạn dựng khắc khác nhau: trước và sau năm 1945.

Nội dung tư liệu văn bia khá phong phú, trực tiếp ghi lại các sự kiện cụ thể diễn ra, như các lần xây dựng, trùng tu Hội quán, chùa miếu và các công trình kiến trúc khác. Đặc biệt ghi chép khá chi tiết về danh tính, cùng quê quán các thương thuyền, hiệu buôn người Hoa là hưng công hội chủ và người đóng góp xây dựng các công trình công cộng ở đây. Ngoài ra là những quy định hoạt động của Bang hội người Hoa trong làm ăn, sinh sống và hoạt động tín ngưỡng. Trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi mới chỉ điểm ra đôi điều về một số Hội quán và cộng đồng người Hoa ở khu vực miền Trung mà tiêu biểu là ở Hội An. Vì vậy, cần thiết sưu tập, giới thiệu tập sách văn bia chữ Hán về người Hoa ở ven biển miền Trung với đông đảo bạn đọc, nhà nghiên cứu nhằm đi sâu nghiên cứu toàn diện hơn nữa, đồng thời đề xuất giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa quý giá này.

Chú thích:

(1). Nguyên văn chữ Hán: 溯吾會館創立於康熙年間距今已垂二百七十餘載。最初正基祇編茅為廟，供奉天后聖母，顏曰金山寺。歷經六十餘年，因茅廟難以久持。遂於乾隆丁丑年公元一七五七年，同人釀資興建瓦廟，再名為閩商會館。謹時館舍湫隘，乃於道光乙酉年公元一八九五年增建後殿，供奉六姓王爺公而前殿亦同時重建。從前以後至光緒乙未年公元一八九五年，又釀會館分處大加修葺。光緒庚子年公元一九零零年全面修造完成而福建會館名稱至斯。*Bia Bốn hội quán trùng tu cập tăng kiến tiền môn bi kí*/本會館重修及增建前門碑記。

(2). Nguyên văn chữ Hán: “念光彩不忘慈心化一南船扶救光彩衆安，金阜錢中困苦年餘娘娘焉，得何罪，受此之厄，無他為弟子求財放也。午時請從水中，扶抱金身，發山到占城錦安之地，就此重建六十餘年。因茅廟不能長久。于茲年三月間遺衆興瓦廟靈慈，揚名濟世，非圖財求利而至此也。陳此福建泉州府晉江縣沐恩弟子施澤宏敬立。乾隆丁丑年端月穀旦。*Bia Phúc Kiến hội quán Càn Long Đình sửu bi*/福建會館乾龍丁丑碑。

(3). Nguyên văn chữ Hán: 中華會館古洋商會館也今只顏之曰中華示不忘祖耳夷攷會安一埠為廣南重鎮前屬占城後歸越南日趨繁盛竟成通商口岸南渡華僑首推江浙而閩粵次之風帆往來乃館斯土當朱明失守抱首陽采薇之慨者亦接武而來衣冠聚會競門繁華館之所以著名也。*Bia Trùng tu Hội An Trung Hoa hội quán bi kí*/重修會安中華會館碑記。

(4). Nguyên văn chữ Hán: 追昔明朝景泰甲子年(1444),福建省泉州府同安縣明海和尚祖師振錫南來，營成本寺，五尊七派永久以流芳。*Văn bia chùa Chúc Thánh, kí hiệu 19339*。

(5). Nguyên văn chữ Hán: 吾族始祖張貴公其先北人陳辰，南來闢拓斯土，建立社號，聚民而居之，名曰南強村。生聚教訓，歷有年所該改為糧洲社。迄而全社十有三族。計十七代子孫。*Bia mộ, kí hiệu 19314*。

(6). Nguyên văn chữ Hán: 吾鄉供奉祀魏，莊，吳，邵，許伍大老者，前明舊臣也。明祚既遷，心不肯貳，遂隱其官銜名字，避地而南至，則會唐人。在南者冠，以明字存國號也。州六省皆有所立而廣南始焉。*Văn bia Tụy Tiên đường/萃先堂, khắc năm Duy Tân thứ 2 (1908)*。

(7). Nguyên văn chữ Hán: /福建幫長德記號,廣東幫長南來號,潮州幫長許璜合,瓊府幫長成福利,嘉應幫長振隆堂。*Bia Tu tạo Lai Viễn kiều*/修造來遠橋。

(8). Nguyên văn chữ Hán 值年:嘉應幫幫長楊義合,福建幫幫長沈順記,潮州幫幫長陳德勝,廣東幫幫長利協勝。*Bia Trùng tu đầu môn phụ đầu bi kí*/重修頭門埠頭碑記。

(9). Nguyên văn chữ Hán: *Bia Dương Thương hội quán công nghị điều lệ*/洋商會館公議條例。

“今將公議規例列左：

一議廟緣每兩參厘會館設立印簿，每船壹本送交公司開抽分單隨開隨騰抽分單出日。其簿即交理事人，如簿停留即有欺隱其錢，仍歸船長隨收隨繳。

一議會館內設立大櫃壹口當事人收錢，及數簿悉存于櫃，若臨用時，當事人公同開取一人不得擅專，至船頭到齊日船長會集公查數目每年壹次。

一議各港門不足抽分小船併空船分所應題緣錢伍貫。

一議失水落難客位會館歷每月，每人給伙僮錢三陌。至三個月為期，如收風尚有貨船，果無親戚可依者暫許安歇不給伙僮錢，俱限唐船起身止不得久住。

一議收風孤客無親病在會館內，每月給伙僮錢三陌。痊日即出，不得久住。和尚香供必須先問病人藉貫，姓名，附塔何船，以杜詐偽。如有不幸病故，給錢二貫以為殯葬之資。及葬在何處報知理事人登記，俟其親屬得查，不致旅魂托。

一議棍徒不事生業素習賭博，併食鴉片，匪類等事者不准居住會館。歷如有違拗理事人即稟父母官究治逐出。

一議新客到此娶妻有朶，必須登記。何省藉貫鄉里壹單付妻收執。至分娩之日或男或女囑令妻黨戚屬，賽單赴會館報明理事人，何月何日分娩併其妻生出名居住何處明白登簿無致後日流落。

一議會館若有剩餘之錢不准借名生利即或暫移一概不准以便防早晚，失水，收風等事恐臨時應付不及。

一議會館置辦傢伙器皿併各客供物，必須登記壹簿。或有年久朽壞者理事人驗察修葺，或有借用損壞者即着經手人向借者整補。或有失落乃係和尚香供賠，補理事人更宜不得查檢，和尚香供不得辭典守之勞。

一議會館理事人不得欺隱不得籍事推諉亦不得通同贅入明香社，必須秉公料理或有他往或要回唐。當合理事人酌議相替一新唐誠實的辦理不得任意薦舉切勿荒廢前人創建之基”。

(10). Nguyên văn chữ Hán: 一議屬拜新船進港，廟例抽錢貳佰貫。

一議新船停港外，裝儼廟例抽錢一佰貫。

一公所置公稱四技以便諸商應用免致爭言。

一議屬幫商戶商客業戶買值沙糖出港，每百舫抽錢拾貳文。 *Bia Triều Thương công sở bi ký*/潮商公所碑記 kí hiệu 20434.

Ghi chú: *Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số 602.05-2019.01*

Tài liệu tham khảo:

(中) 向大有：《越南封建時期華僑華人研究》，北京：中國社會科學出版社，2016年。

(中) 鄭振滿，（加拿大）丁荷生編纂，《福建宗教碑銘彙編》，福建人民出版社，上中下，2003年。

(越) 丁克順，〈關於福建人在越南歷史上的史料〉，《閩南文化論文集》，台灣國立成功大學閩南文化研究中心，2012年，225-244。

Viện Nghiên cứu Hán Nôm (2005). *Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm*. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội.

Châu Thị Hải. (1992). *Các nhóm cộng đồng người Hoa ở Việt Nam*. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội

Tổng Quốc Hưng. (2009). Cộng đồng người Hoa – Minh Hương ở thương cảng Hội An. *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 3, tr.67-75.

Nguyễn Ngọc Thơ. (2011). Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Hoa Nam. *Tạp chí Phát triển khoa học và công nghệ*, tập 14: 42-60.

Phạm Thúc Hồng. (2012). *Hội quán, đền miếu người Hoa ở Hội An*. Nxb. Đà Nẵng.

Nguyễn Hoàng Thân. (2013). Đặc điểm ngôn ngữ văn bản văn bia trùng tu hội quán người Hoa ở Hội An. *Tạp chí Khoa học và Giáo dục*, ĐHSP-ĐHĐN, số 8 (03).

Nguyễn Hoàng Thân. (2014). *Nghiên cứu văn bia Hán Nôm tỉnh Quảng Nam*. Luận án Tiến sĩ Ngữ văn. Học viện Khoa học xã hội.

Đoàn Trung Hữu, Nguyễn Hoàng Thân. (2014). Tình hình văn bia tỉnh Thừa Thiên - Huế". *Tạp chí Khoa học xã hội, Nhân văn và Giáo dục*, Tập 4, số 3, tr.26-35.

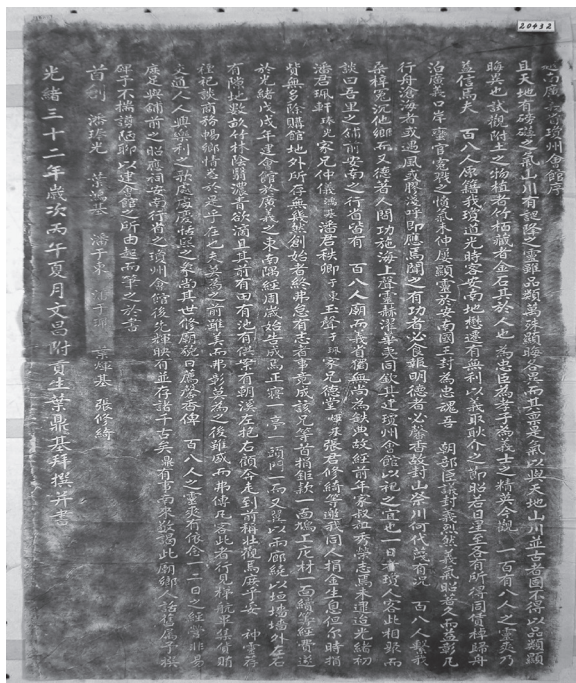
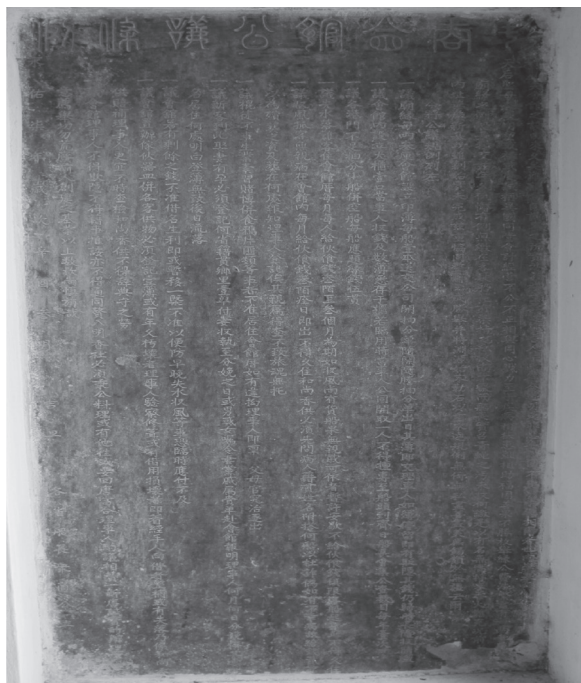
Nguyễn Hoàng Thân. (2017). Văn bia Hội quán người Hoa ở Hội An. *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế Việt Nam học lần 3*.

Đỗ Minh Điền, Đỗ Ngọc Bảo Thư. (2021). Một số hiệu buôn người Hoa ở Huế qua khảo sát văn bia ở Hội quán Quảng Triệu. *Tạp chí Sông Hương Online*.

Đình Khắc Thuần. (2020). Tư liệu Hán văn về người Hoa lưu giữ tại Hà Nội. *Tạp chí Hán Nôm*, số 3, tr. 73-82.

Phụ lục 1: Bia “Dương Thương Hội quán công nghị điều lệ”

Phụ lục 2: Ảnh thạc bản văn bia “Việt Nam Quảng Ngãi tỉnh Quỳnh Châu Hội quán tự”, kí hiệu 20432



Nguồn: Bia Hội quán Trung Hoa, Hội An, ảnh tác giả (2019)

Nguồn: Ảnh thạc bản văn bia Viện Nghiên cứu Hán Nôm